

| TT | MÃ SỐ SV   | HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN   | LỚP     | Điểm thành phần |                          |   |  | ĐTB<br>kiểm<br>tra<br>định<br>kì | F   | ĐIỂM TỔNG KẾT |               | Ghi chú |
|----|------------|-----------------------|---------|-----------------|--------------------------|---|--|----------------------------------|-----|---------------|---------------|---------|
|    |            |                       |         | A               | Điểm kiểm<br>tra định kỳ |   |  |                                  |     | SỐ            | CHỮ           |         |
|    |            |                       |         | 10%             |                          |   |  | 30%                              | 60% | 100%          |               |         |
|    |            |                       |         |                 | 1                        | 1 |  |                                  |     |               |               |         |
| 1  | 1813219520 | Trần Thanh Hùng       | N18KDN3 | 8               | 6.5                      | 5 |  | 5.8                              | 0.0 | 0.0           | Không         | LP      |
| 2  | 1812219553 | Nguyễn Hoài Bảo Ngọc  | N18KDN3 | 8               | 8.3                      | 9 |  | 8.7                              | 0.0 | 0.0           | Không         | LP      |
| 3  | 1813219568 | Phan Hoàng Thanh Quốc | N18KDN3 | 8               | 6.5                      | 5 |  | 5.8                              | 0.0 | 0.0           | Không         | LP      |
| 4  | 1812219589 | Hồ Thị Bích Thảo      | N18KDN4 | 10              | 7.3                      | 7 |  | 7.2                              | 1.8 | 0.0           | Không         |         |
| 5  | 1812219604 | Bùi Thị Thu           | N18KDN2 | 9               | 9.8                      | 8 |  | 8.9                              | 8.9 | 8.9           | Tám phần Chín | BSĐ.    |

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

| STT         | NỘI DUNG THỐNG KÊ | SL | TỶ LỆ | GHI CHÚ |
|-------------|-------------------|----|-------|---------|
| 1           | Số sinh viên đạt  | 1  | 20%   |         |
| 2           | Số sinh viên nợ   | 4  | 80%   |         |
| TỔNG CỘNG : |                   | 5  | 100%  |         |

LẬP BẢNG

KIỂM TRA  
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA  
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 09 năm 2013  
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH  
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phụng

ThS. Nguyễn Ân